CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 311 ngày 15/7/2020
CHUYỂN
Lãnh đạo CC
Phòng
Sao

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/2020/TS

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Triệu Sơn.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0902122118.

E-mail:.....

Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên số: 0900246888, Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/5/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 02/2020/NNPTNT-0321, ngày cấp: 15/01/2020, Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản & Thủy sản tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Tương bần Triệu Sơn.

2. Thành phần: Nước, Gạo nếp, đậu tương, muối ăn, Acesulfam kali, Natri Sorbat, Natri Benzoat.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Sản phẩm ăn trực tiếp hoặc dùng để chế biến thực phẩm cùng với các món ăn khác.

- Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát.

- Lắc đều trước khi dùng.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng bằng chai, can bằng vật liệu nhựa đạt Quy chuẩn QCVN12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Thể tích: 0,5 lít, 0,75 lít, 1 lít, 2 lít, 3 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít, 30 lít, 40 lít.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH Triệu Sơn.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0902122118.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (*có mẫu dự thảo nhãn sản phẩm đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm 2010.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hoàng hóa.

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm;

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm".

- QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Các văn bản pháp luật hiện hành quy định về an toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày tháng 7 năm 2020

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TRIỆU SƠN

GIÁM ĐỐC

Ngô Xuân Tân

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ HƯNG YÊN	SẢN PHẨM	Số TCCS 01/2020/TS
CÔNG TY TNHH TRIỆU SƠN	**Tương Bần Triệu Sơn**	Có hiệu lực từ ngày tháng 7 năm 2020

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Sản phẩm tương bần sánh sệt, dạng nhũ tương.
- Màu sắc: màu vàng rơm.
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng; vị mặn, bùi.

1.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Axit (tính theo Axit acetic)	%	≤ 3
2	Hàm lượng Nitơ toàn phần	g/kg	≤ 7

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: giới hạn theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^4$
2	Coliform	CFU/g	$\leq 10^2$
3	E.coli	CFU/g	0
4	Staphylococcus aureus	CFU/g	≤3
5	Clostridium perfringens	CFU/g	≤10
6	Salmonella	CFU/g	0
7	Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU/g	≤10

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: Giới hạn theo QCVN 8-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức xây dựng
1	Pb	mg/kg	≤2,0
2	Cd	mg/kg	≤1,0
3	Hg	mg/kg	≤0,05
4	As	mg/kg	≤1,0

1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007.

1.6. Phu gia, chất hỗ trợ

MẪU NHÃN DỰ THẢO SẢN PHẨM

Tương Bần Triệu Sơn

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Triệu Sơn

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0902122118.

Thành phần nguyên liệu: Nước, Gạo nếp, đậu tương, muối ăn, Acesulfam kali, Natri Sorbat, Natri Benzoat.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Hàm lượng Nitơ toàn phần: ≤ 7 g/kg.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:12 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn bảo quản và sử dụng:

- Sản phẩm ăn trực tiếp hoặc dùng để chế biến thực phẩm cùng với các món ăn khác.
- Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát.
- Lắc đều trước khi dùng.

Thể tích:

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **3748.20**	Report date/ *Ngày*: **08-07-2020**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01	Page/ *Trang*: **1/ 1**

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY TNHH TRIỆU SƠN

Address (*Địa chỉ*) : Số 141, đường Nguyễn Văn Linh, phường Bần Yên Nhân (80 phố Bần), thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Tương Bần Triệu Sơn

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 02-07-2020

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 03-07-2020

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*
3748.20/1	Tương Bần Triệu Sơn	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)	ISO 4833-1:2013	CFU/g	-	4.9×10^3
		Coliforms (**)	ISO 4832:2006	CFU/g	-	<10
		E. coli (**)	ISO 7251:2005	Định tính/g	-	ND
		Clostridium perfringens (**)	ISO 7937:2004	CFU/g	-	<10
		Staphylococcus aureus (**)	ISO 6888-3:2004	Định tính/g	-	ND
		Salmonella spp. (**)	ISO 6579-1:2017	Định tính/25g	-	ND
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**)	ISO 21527-2:2008	CFU/g	-	<10

Conclusion/ *Kết luận*

Kết quả mẫu Tương Bần Triệu Sơn đạt vi sinh theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT.

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
4. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
5. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO-QSCert
Đại diện NHO-QSCert

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 **Email:** khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

BẢN SAO

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 19.12.13.620

1.Tên mẫu/*Name of sample* : **Tương bần**
2.Tên/địa chỉ khách hàng
Name/Address of customer : Công ty TNHH Triệu Sơn
Đường Nguyễn Văn Linh, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
3.Mô tả mẫu/*Sample description* : Sản phẩm dạng lỏng sánh, đóng chai.
4.Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving sample* : 13/12/2019
5.Người lấy/gửi mẫu/ *The personnel performing/sending sample(s)* : Khách hàng tự gửi mẫu/*By customer*
6.Ngày thực hiện thử nghiệm/*The dates of testing activities* : 13/12/2019 - 20/12/2019
7.Kết quả thử nghiệm/*Test results* :

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Giới hạn cho phép *Regular limit*
1	Cảm quan *Sensory properties*	KNVSATTP 91/BYT	/	Màu sắc tự nhiên, mùi đặc trưng. Vị mặn, bùi.	TCCS/*GMP*
2	Axit (theo Axit Axetic) *Acid (Acid Acetic)*	KNVSATTP 91/BYT	%	0,75	TCCS/*GMP*
3	Nitơ toàn phần/*Total nitrogen*	TCVN 8125: 2015	g/kg	9,6	TCCS/*GMP*
4	Nitơ amoniac *Ammonia nitrogen*	TCVN 3706:1990	g/kg	0,25	TCCS/*GMP*
5	Acesulfam Kali *Acesulfam potassium*	TCVN 8471:2010	mg/kg	Không phát hiện (< 10,0)	24/2019/TT-BYT ≤ 1000
6	Nhóm Sorbat/*Sorbate group* (Acid sorbic, Natri sorbat, Kali sorbat, Calci sorbat)	HPLC/UV	mg/kg	280	24/2019/TT-BYT ≤ 1000
7	Nhóm Benzoat/*Benzoate group* (Acid benzoic, Natri benzoat, Kali benzoat, Calci benzoat)	HPLC/UV	mg/kg	Không phát hiện (< 10,0)	24/2019/TT-BYT ≤ 1000
8	Aflatoxin tổng số *Total aflatoxin*	TCVN 7596:2007	µg/kg	Không phát hiện (< 1,0)	QCVN 8-1:2011/BYT ≤ 4,0
9	Dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật/*Pesticide residues:* Permethrin	TK.TCVN 8319:2010	mg/kg	Không phát hiện (< 0,001)	50/2016/TT-BYT ≤ 0,05
10	Asen/*Arsenic* (As)	FDA.EAM.4.4-2010	mg/kg	Không phát hiện (< 0,025)	QCVN 8-2:2011/BYT ≤ 1,0
11	Cadimi/*Cadmium* (Cd)	TCVN 7929:2008	mg/kg	Không phát hiện (< 0,01)	QCVN 8-2:2011/BYT ≤ 1,0
12	Chì/*Lead* (Pb)	TCVN 7929:2008	mg/kg	Không phát hiện (< 0,01)	QCVN 8-2:2011/BYT ≤ 2,0
13	Thủy ngân/*Mercury* (Hg)	TCVN 7604:2007	mg/kg	Không phát hiện (< 0,01)	QCVN 8-2:2011/BYT ≤ 0,05

CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019/Hanoi, December 20, 2019

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY
ThS. Nguyễn Văn Tịnh

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING
Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

KT. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHỦ TỊCH
Ngô Phương Tuệ
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ *The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).*
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ *This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 0243.773.0178 **Email:** khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

MAC-MRA

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM
VILAS 595

BẢN SAO

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 19.12.13.619

1.Tên mẫu/*Name of sample*	**Nước sản xuất**
2.Tên/địa chỉ khách hàng *Name/Address of customer*	Công ty TNHH Triệu Sơn Đường Nguyễn Văn Linh, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
3.Mô tả mẫu/*Sample description*	Trong chai nhựa 2 chai x 1l
4.Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving sample*	13/12/2019
5.Người lấy/gửi mẫu/ *The personnel performing/sending sample(s)*	Khách hàng tự gửi mẫu/*By customer*
6.Ngày thực hiện thử nghiệm/*The dates of testing activities*	13/12-19/12/2019

7.Kết quả thử nghiệm/*Test results*

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Giới hạn cho phép *Regular limit QCVN 01:2009*
1	Màu sắc /Color	Cảm quan /Sensory		Không màu	Không màu
2	Mùi vị /Odor	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không mùi vị
3	Độ đục /Turbidity	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,2	6,5 – 8,5
5	Nitrit / Nitrite (*)	TCVN 6178: 1996	mg/L	<0,1	≤ 3
6	Nitrat /Nitrate	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0,9	≤ 50
7	Amoni /Amonium (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,1	≤ 3
8	Sắt tổng số / Iron (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
9	Chỉ số Pecmanganat /Pecmanganate Index	TCVN 6186:1996	mg/L	1,0	≤ 2
10	Clorua /Chloride	TCVN 6494-1:2011	mg/L	22,5	≤ 250
11	Độ cứng / Total Calcium and magnesium (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	68	≤ 300
12	Mangan tổng số/ Manganese (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,3
13	Sunphat /Sunfate	TCVN 6494-1:2011	mg/L	5,9	≤ 250

CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 2764 Quyển: 01 TP/CC

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2019/ Hanoi, December 19, 2019

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LABORATORY*	KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG *DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING*	KT.GIÁM ĐỐC *DIRECTOR*
CN. Trần Văn An	**Bs. Nguyễn Mạnh Hùng**	PHÓ GIÁM ĐỐC **Nguyễn Thị Kiều Anh**

CHỦ TỊCH
Ngô Phương Huệ

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ *The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).*
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ *This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0900246888

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 04 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 27 tháng 05 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRIỆU SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRIEU SON COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRIEU SON CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Bần Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0221.3943.143* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 300.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGÔ XUÂN TÂN	Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Bần Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	150.000.000	50,000	033076000371	
2	NGÔ XUÂN TRIỆU	Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Bần Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	150.000.000	50,000	033043000074	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

HƯNG YÊN

BẢN SAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN & THỦY SẢN TỈNH HƯNG YÊN

Cơ sở/ Estabilishment: CÔNG TY TNHH TRIỆU SƠN

Mã số/ Approval number: 0900246888

Địa chỉ/ Address: Đường Nguyễn Văn Linh, P. Bần Yên Nhân, TX. Mỹ Hào, H. Yên

Điện thoại/ Tel: 02213.943.143/0902.122.118 Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1. Sản Xuất, Kinh doanh: Cường Bần.
2.
3.

CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
14-07-2020
Số: 2262 Quyển: 01 TP/CC

Số cấp / Number: 02/2020 /NNPTNT-0321
Có hiệu lực đến ngày: 15 *tháng* 01 *năm 20*23
Valid until (date / month / year)
Và thay thế giấy CN số:..... cấp ngày.....tháng.....năm .....
And replaces The Certificate N⁰.....issued on (day / month / year)

Hưng Yên, ngày 15 *tháng* 01 *năm* 2020 *day/month/year*

CHỦ TỊCH
Ngô Phương Long

CHI CỤC TRƯỞNG
TRẦN NGUYÊN THÁP